TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Dương và bà Vũ Thị Quỳnh;

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ dân phố C, phường Y, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Duy Q, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ dân phố C, phường Y, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Duy Q được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, không bị ép buộc, không bị lừa dối. Chị và anh Q đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y (nay là phường Y), tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, nhiều xảy ra to tiếng, xô xát, anh Q đều phải đi cải tạo do vi phạm pháp luật nên một mình chị phải nuôi 03 con, đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị T đã sống ly thân với anh Q từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay. Nay chị T thấy đời sống chung vợ chồng đã trầm trọng, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly

hôn với anh Nguyễn Duy Q.

Về việc nuôi con: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 08/6/2008; cháu Nguyễn Trần Hà A1, sinh ngày 07/7/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 29/8/2018. Khi ly hôn chị đề nghị được Tại đơn khởi kiện và tại bản khai ngày 27/10/2025, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu, bởi chị là người thường xuyên chăm sóc con từ trước đến nay, anh Q hiện không có công việc ổn định, chưa có thu nhập.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 29 tháng 10 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Duy Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Duy Q nhất trí với trình bày của chị Trần Thị T về quá trình kết hôn. Về tình trạng vợ chồng, anh cho rằng chị T lừa dối anh bỏ nhà đi, vợ chồng cũng có những lần xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau, anh Q thừa nhận anh phải đi cải tạo nhiều lần do vi phạm pháp luật> nay chị T yêu cầu được ly hôn, anh Q nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về việc nuôi con: anh Q nhất trí với trình bày của chị T là anh, chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 08/6/2008; cháu Nguyễn Trần Hà A1, sinh ngày 07/7/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 29/8/2018. Trước đây anh trình bày không co công ăn việc làm, không có thu nhập, nay anh đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc con nên anh đồng ý để chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 3 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Duy Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: anh Nguyễn Duy Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Xử:

- Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Q,

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 08/6/2008; cháu Nguyễn Trần Hà A1, sinh ngày 07/7/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Duy Q có nơi cư trú tại phường Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Ninh Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Nguyễn Duy Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn v vào ngày 18/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y (nay là phường Y), tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại tổ dân phố C phường Y ngày 28/11/2025 là nơi đương sự cư trú, lời khai của cháu Nguyễn Trần Huyền A ngày 07/01/2026, đã có đủ căn cứ xác định: trong cuộc sống vợ chồng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q có sự vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, nhiều xảy ra to tiếng, xô xát, anh Q nhiều lần phải đi cải tạo do vi phạm pháp luật dẫn đến vợ chồng ly thân thể hiện vợ chồng không còn thương

yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân cả hai vợ chồng đều đề nghị Tòa án cho ly hôn. Do vậy, cần căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy Q.

[3] Về việc nuôi con:

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q có 03 con chung là cháu Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 08/6/2008; cháu Nguyễn Trần Hà A1, sinh ngày 07/7/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 29/8/2018. Chị Trần Thị T yêu cầu được nuôi cả 03 con, anh Nguyễn Duy Q trình bày hiện nay anh đi làm ăn xa, đồng ý để chị T nuôi cả 03 con. Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân, chị T là người trực tiếp chăm sóc con trong thời gian anh Q đi cải tạo, bản thân anh chị đều xác định chị T đủ điều kiện nuôi con vì vậy cần giao cả 03 cháu cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản.

Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy

Q.

2. Về việc nuôi con:

- Giao cháu Nguyễn Trần Huyền A, sinh ngày 08/6/2008; cháu Nguyễn Trần Hà A1, sinh ngày 07/7/2012 và cháu Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Duy Q tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3**.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001669 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 2 - Ninh Bình;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thành Trung